**BÀI 1: TRUYỆN NGẮN**

**Văn bản 1: Tôi đi học (Thanh Tịnh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện;…) của truyện ngắn.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Tôi đi học.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của truyện ngắn.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS biết rung động, cảm xúc với những kỉ niệm thời học trò và biết trân trọng những tình cảm đẹp ấy.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Thiết bị trình chiếu

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu video bài hát Ngày đầu tiên đi học (tác giả Nguyễn Ngọc Thiện) cho HS lắng nghe và trả lời câu hỏi: *Ngày đầu tiên đi học, bạn nhỏ trong bài hát có tâm trạng như thế nào?*

Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=MstygkP_XoI>

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**

- GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dặt vào bài học mới: *Các em thân mến! Trong cuộc đời mỗi con người những kỷ niệm về tuổi học trò, đặc biệt là những kỷ niệm về buổi tựu trường đầu tiên thường được lưu giữ lâu bền trong trí nhớ. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ được ôn lại những kỷ niệm đó cùng nhân vật “tôi” trong văn bản “Tôi đi học” của nhà văn Thanh Tịnh.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm Tôi đi học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Tôi đi học*.

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Thanh Tịnh và thông tin tác phẩm *Tôi đi học*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày những hiểu biết về tác giả Thanh Tịnh và tác phẩm Tôi đi học.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin tác giả, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn văn bản.  - GV yêu cầu HS xác định thể loại, bố cục văn bản.  - GV đặt câu hỏi: *Văn bản kể về việc gì? Nhân vật chính là ai? Nhân vật ấy được nhà văn miêu tả ở những phương diện nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc theo bàn, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  Truyện ngắn Tôi đi học được bố cục theo dòng hồi tưởng của nhân vật tôi, diễn tả cảm giác mới mẻ, hồi hộp, tâm trạng náo nức, bỡ ngỡ của nhân vật tôi theo trình tự thời gian của một buổi tựu trường. Vì thế, tìm hiểu văn bản cũng chính là tìm hiểu tâm trạng của nhân vật tôi theo trình tự thời gian. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả (1911 – 1988)**  - Tên thật là Trần Văn Ninh, quê ở Thừa Thiên Huế - Huế.  - Thơ văn của ông đậm chất chữ trình, giàu cảm xúc, trong trẻo.  **2. Tác phẩm**  - *Tôi đi học* in trong tập *Quê mẹ* (1941).  **3. Đọc văn bản**  - Thể loại: truyện ngắn  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến trên ngọn núi: cảm nhận của “tôi” trên đường tới trường.  + Phần 2: Tiếp theo đến nghỉ cả ngày nữa: cảm nhận của “tôi” lúc ở sân trường.  + Phần 3: Đoạn còn lại: cảm nhận của “tôi” trong lớp học.  - Nội dung: kể về một trang đời gần gũi mà thiêng liêng, đó là kỉ niệm buổi tựu trường đầu tiên với tâm trạng bỡ ngỡ, những cảm xúc mới mẻ, những ấn tượng không quên về trường lớp, thầy cô và bạn bè.  - Nhân vật chính: tôi.  => Nhân vật ấy được nhà văn miêu tả qua các phương diện: lời nói, hành động, tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản, hãy cho biết:  *+ Những sự vật nào khiến nhân vật tôi có những liên tưởng về ngày đầu tiên đi học của mình?*  *+ Khi nhớ về kỉ niệm cũ, tâm trạng của nhân vật tôi như thế nào?*  *+ Chỉ ra những chi tiết nói về thời gian và không gian nhân vật tôi cùng mẹ tới trường.*  *+ Tâm trạng nhân vật tôi thay đổi cụ thể như thế nào? Những cảm nhận đó thể hiện điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc theo cặp đôi, đọc lại phần (1) của văn bản để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Những chi tiết nào diễn tả cảm nhận cảu nhân vật tôi lúc ở sân trường (khi nhìn mọi người, lúc nghe tên mình và phải rời tay mẹ để vào lớp)?*  *+ Khi tả những học trò lần đầu đến trường học, tác giả đã dùng hình ảnh so sánh nào? Nêu ý nghĩa hình ảnh đó.*  *+ Em có nhận xét gì về tiếng khóc của các cậu học trò nhỏ khi xếp hàng để vào lớp?*  *+ Những lời nói nào của ông đốc, thầy giáo làm em đáng chú ý? Qua lời nói đó, cho thấy ông đốc là người như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và trả lời câu hỏi:  *Tìm những chi tiết nói lên cảm nhận của nhân vật tôi ở trong lớp học và cho biết những tình cảm ấy cho thấy tình cảm gì của nhân vật tôi đối với lớp học?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV gọi HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi sau:  *+ Nhận xét về giọng điệu của tác giả được thể hiện trong truyện.*  *+ Nêu nội dung, ý nghĩa của văn bản.*  *+ Văn bản đã nói giúp những suy nghĩ và tình cảm gì của rất nhiều người đọc? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay như thế nào?*  Thời gian thảo luận 3 phút.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Cảm nhận của nhân vật tôi trên đường đến trường**  - Con đường, cảnh vật vốn rất quen, tự nhiên thấy lạ, thấy có sự thay đổi lớn trong lòng mình.  - Không lộ qua sông thả diều, không ra đồng nô đùa.  - Cảm thấy trang trọng, đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen, cẩn thận, nâng niu sách vở mới.  → Dấu hiệu đổi khác trong tình cảm và nhận thức của một cậu bé trong ngày đầu tiên đi học, có chí học ngay từ đầu, muốn chững chạc và không thua kém bạn.  **2. Cảm nhận của nhân vật tôi lúc ở sân trường**  - Trên sân trường:  + Bỗng thấy sân trường dày đặc người, ai cũng quần áo sạch sẽ, gương mặt tươi vui.  - Ngôi trường xinh xắn, oai nghiêm khác thường → lo sợ vẩn vơ.  - Khi được gọi tên: “nghe gọi đến tôi, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng”.  - Khi rời tay mẹ vào lớp:  + Lo sợ phải rời tay mẹ, thấy xa mẹ hơn bao giờ.  + Cảm thấy vừa lạ, vừa gần gũi với mọi vật, với người bạn bên cạnh.  + Vừa ngỡ ngàng và tự tin → nghiêm trang vào giờ học.  - Hình ảnh những học trò nhỏ tuổi: “Họ như con chim non đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”. → đề cao sức hấp dẫn của nhà trường, thể hiện khát vọng bay bổng của nhân vật tôi đối với trường học.  - Ông đốc, thầy giáo có thái độ trìu mến đối với học trò. Tác giả nhớ đến oong đốc với những tình cảm vừa quý trọng, vừa tin tưởng, biết ơn.  **3. Cảm nhận của nhân vật tôi trong lớp học**  - Một mùi hương lạ xông lên.  - Trông cái gì cũng thấy lạ và hay hay.  - Nhìn người bạn chưa quen nhưng không cảm thấy xa lạ.  → Dấu hiệu trưởng thành trong nhận thức và tình cảm ngay từ ngày đầu tiên đi học.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Truyện kể về kỉ niệm ngày tựu trường đầu tiên của nhân vật tôi, từ đó nói lên trong cuộc đời mỗi người kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò nhất là buổi tựu trường đầu tiên, thường được ghi nhớ mãi.  **2. Nghệ thuật**  - Miêu tả tinh tế, chân thực diễn biến tâm trạng của ngày đầu tiên đi học  - Kết hợp hài hòa giữa kể tả và biểu cảm cùng những rung động tinh tế của nhân vật.  - Giọng điệu trữ tình, trong sáng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

**Câu 1:** Văn bản “Tôi đi học” có chủ đề là gì?

A. Kỷ niệm sâu sắc về tuổi học trò của tác giả.

B. Ý nghĩa và vai trò của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.

C. Dòng cảm nghĩ thiết tha sâu lắng của tác giả khi nhớ lại ngày đầu tiên đi học.

D. Tâm trạng hồi hộp của nhân vật trong buổi tựu trường đầu tiên.

**Câu 2:** Hình ảnh “bàn tay” trong hai câu văn: “Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước... Một bàn tay quan nhẹ vuốt mái tóc tôi” nhằm diễn tả ý gì?

A. Sự âu yếm của mẹ hiền.

B. Sự săn sóc của mẹ hiền.

C. Tấm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chở che, nâng đỡ và thương yêu đối với con thơ.

D. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

**Câu 3:** Câu văn “Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất” trong văn bản cho ta hiểu điều gì?

A. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở.

B. Cậu bé chưa tập trung vào việc.

C. Cậu bé quá hồi hộp.

D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở.

**Câu 4:** Mạch truyện diễn biến theo trình tự thời gian nào?

A. Hiện tại - quá khứ

B. Hiện tại - tương lại

C. Hiện tại - quá khứ - hiện tại

D. Hiện tại - quá khứ - tương lai

**Câu 5:** Sức cuốn hút của truyện đế từ yếu tố nào?

A. Tình huống truyện là buổi tựu trường đầu tiên trong đời với bao kỉ niệm mới lạ, khó quên của nhân vật.

B. Những ý nghĩ ngây thơ, trong sáng của nhân vật Tôi và tình cảm ấm áp, trìu mến của người lớn đối với các em nhỏ lần đầu tiên đi học.

C. Từ hình ảnh tươi đẹp, trong sáng của quê hương, ngôi trường.

D. Tất cả đều đúng.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

=> Đáp án: 1. C 2. C 3. C 4. A 5.D

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy viết một đoạn văn ghi lại ấn tượng đẹp trong buổi tựu trường đầu tiên của em.

*- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**Đoạn văn tham khảo:**

Ngày đầu tiên đi học là một ngày thật đặc biệt mà bất kì ai cũng khó lòng quên được. Buổi sáng hôm ấy là một buổi sáng đầy sương thu và gió thổi se sẽ, những chiếc lá vàng rụng xuống bay khắp nơi khiến cảnh tượng thật là đẹp. Bầu trởi hôm nay như cao và xanh hơn, con đường đến trường cũng trở nên rộn ràng hơn cả. Vừa đến trường, tôi đã thấy sân trường đông nghịt người, trường thật to cao, khang trang và sạch sẽ. Xung quanh tôi là những người bạn mà tôi chưa hề quen biết khiến tôi cảm thấy mình như lạc lõng giữa một nơi xa lạ, tôi rụt rè đứng bên mẹ chỉ dám nhìn một nửa và không dám bước đi cứ chôn chân tại chỗ. Hôm nay là lễ khai giảng nên ngôi trường đủ màu sắc nào là cờ, hoa,... rực rỡ khắp nơi. Thật là tuyệt đẹp! Ngôi trường thật là xinh xắn. Cảnh tượng này trước đây tôi chỉ từng thấy ở hội làng. Tất cả các học sinh đều đã sắp hàng đâu vào đó. Cô hiệu trưởng đứng trên sân khấu tuyên bố năm học mới đã bắt đầu và đón chào các bạn học sinh lớp một. Sau lễ khai giảng, chúng tôi được vào nhận lớp mới. Ngồi trong lớp, tôi thấy người mình như đang run run vì những nỗi sợ vẩn vơ nhưng sau đó nhờ cô giáo, chúng tôi đã làm quen được với nhau và trở nên gần gũi biết mấy. Thế là năm học đầu tiên đã bắt đầu với tôi như thế đấy. Một thế giới mới - thế giới của những tri thức đã đón lấy chúng tôi ở đó có bạn bè và thầy cô thân thương.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  -Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Văn bản 2: Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;

- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*

+ Đọc nhan đề Gió lạnh đầu mùa, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

+ Đã có lần nào em cho hoặc tặng bạn một món quà mà chưa xin phép bố mẹ? Câu chuyện sau đó như thế nào? Hãy nhớ lại và chia sẻ trước lớp.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta phải mặc rất nhiều quần áo ấm và đôi khi cần đến lò sưởi. Trong truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam cũng thế, cũng có một mùa đông lạnh. Nhưng cô bé Hiên trong truyện lại không có quần áo ấm để mặc, thậm chí chiếc áo em mặc mỏng manh và đã rách tả tơi. Liệu bé Hiên có vượt qua được mùa đông lạnh lẽo này? Chúng ta cùng tìm hiểu văn bản *Gió lạnh đầu mùa* trong tiết học hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và giới thiệu về tác giả Thạch Lam và tác phẩm Gió lạnh đầu mùa.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  *+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của văn bản.*  *+ Bố cục văn bản gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?*  *+ Hãy tóm tắt nội dung chính của truyện. Xét về cốt truyện, văn bản Gió lạnh đầu mùa và Tôi đi học có gì giống nhau?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên: Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh;  - Năm sinh – năm mất: 1910 – 1942;  - Quê quán: sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.  - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn.Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.  **2. Tác phẩm**  - Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,...  - *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.  **3. Đọc văn bản**  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba.  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả.  - Thể loại: truyện ngắn.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu... *thôi, con đi chơi:* Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh;  + Phần 2: Tiếp theo đến...*trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;  + Phần 3: Đoạn còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn.  - Tóm tắt: Vào một buổi sáng đầu đông vô cùng lạnh lẽo, Sơn tỉnh dậy thấy mẹ đã chuẩn bị cho chiếc áo dạ đỏ và chiếc áo thâm dài ấm áp. Hai chị em Lan và Sơn ra chợ chơi với lũ trẻ trong xóm, Sơn thấy trời rét nhưng lũ trẻ ăn mặc phong phanh, môi chúng tím lại và da thì thâm tím. Đặc biệt cái Hiên vẫn mặc chiếc áo rách tả tơi hở cả vai và lưng. Sơn thấy thế bảo chị Lan cho Hiên chiếc áo bông của em Duyên ở nhà. Hai chị em Lan và Sơn sợ mẹ mắng nên mãi đến chiều tối mới dám về nhà. Về đến nhà hai chị em bất ngờ khi thấy mẹ Hiên đến nhà mình gửi lại chiếc áo bông lúc sáng. Mẹ Sơn không những không trách mắng hai con mà còn cho mẹ Hiên vay năm hào để may áo mới cho Hiên. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu HS trả lời câu hỏi:  *+ Em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?*  *+ Những chi tiết nào trong truyện giúp em hình dung ra bối cảnh chị em Sơn cho chiếc áo Bông? Bối cảnh ấy cho em biết gì về cuộc sống được miêu tả trong truyện?*  *+ Phân tích diễn biến tâm trạng của Sơn trước và sau khi cho chiếc áo. Chi tiết nào làm em chú ý và xúc động nhất? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS báo cáo kết quả hoạt động.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi với những đứa trẻ khác được miêu tả như thế nào?*  *+ Nhân vật Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc như thế nào? Chúng có thích chơi với Sơn và chị Lan không? Chúng có dám chơi cùng không? Tại sao?*  Thời gian thảo luận 3 phút.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với nhau.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Nhận xét về thái độ và cách ứng xử của hai bà mẹ (mẹ Sơn và mẹ Hiên) trong phần cuối của truyện. Theo em vì sao mẹ Sơn lại không hài lòng khi chị em Sơn cho Hiên chiếc áo bông ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi:  *+ Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  *+ Có người cho rằng, truyện Gió lạnh đầu mùa chỉ có ý nghĩa đơn giản là việc cho chiếc áo bông cũ. Em có đồng ý không? Vì sao? Theo em, truyện ngắn này có ý nghĩa như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật Sơn và Lan**  ***a. Hoàn cảnh gia đình***  - Gia cảnh: sung túc.  + Có vú già.  + Cách xưng hô:   * Cách mẹ sơn gọi em Duyên: “cô Duyên” – đầy trang trọng, lịch thiệp. * Cách vú già gọi mẹ Sơn: “mợ” → gia đình trung lưu.   + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn thường vay mượn ở nhà Sơn.  + Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em:   * Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. * Sơn thấy mẹ rơm rớm nước mắt.   → Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn.  ***b. Bối cảnh truyện***  - Ngoại hình những đứa trẻ: *Môi chúng tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên. hàm răng đập vào nhau.*  + Cuộc trò chuyện giữa Lan và Hiên: *trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay,..sao áo mày rách thế Hiên? Áo lành đâu không mặc?*  → Góc khuất của cuộc sống, sự nghèo khổ, bất hạnh, cơ cực của những người dân nghèo.  ***c. Tâm trạng Sơn trước và sau khi cho chiếc áo***  - Trước khi cho chiếc áo:  + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo*, *thấy động lòng thương*, *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí*.  + Hành động đẹp: Lan hăm trở về nhà lấy áo, Sơn đứng đợi và trong lòng thấy vui.  → Tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn.  - Sau khi cho chiếc áo:  + Khi mẹ biết chuyện: ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo.  → Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại.  → Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.  **2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo**  ***a. Không gian truyện***  - *Chợ vắng không, mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề*  - *Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em*  → Yên ả, vắng lặng à Nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó.  ***b. Dáng vẻ những đứa trẻ***  - *Mặc không khác ngày thường*, *vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ*;  - *Môi tím lại*, *qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi*;  - *Mỗi cơn gió đến*, *run lên*, *hàm răng đập vào nhau.*  ***c. Thái độ***  - Lũ trẻ đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo.  - *Đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập*à*như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy*.  - *Giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn.*  + “giương”: ngước lên và mở to à có sự chú ý đặc biệt.  + “ngắm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong.  → Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong → Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó.  ***d. Nhân vật Hiên***  - *Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán*, *co ro đứng bên cột quán*→ *Từ nãy*: thời gian dài, *co ro*: lạnh phải khúm người lại → Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ẩn nấp “dựa vào cột quán”.  - *Gọi không lại.*  - *Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay.*  - Khi được hỏi → *bịu xịu* trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi → mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa.  **3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên**  ***a. Mẹ của Hiên***  - Nghề nghiệp: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc → không có đủ tiền để may áo cho con.  - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:  + Khép nép, nói tránh: *“Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ”* → Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – mợ;  + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn.  → Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ  ***b. Mẹ của Sơn***  - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.  - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương → không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác...  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả.  - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ.  - Miêu tả tinh tế, gần gũi với cuộc sống đời thường.  **2. Nội dung**  - Truyện cho thấy sự khác biệt giữa những đứa trẻ sống trong gia đình khá giả và nghèo khổ. Đồng thời, truyện còn ca ngợi tình yêu thương, tấm lòng nhân ái của con người. Truyện mãi mãi để lại trong lòng người sự ấm áp của tình  người và tình đời. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

*Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.Vừa mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười để đồng ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.*

*…*

*Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc vời Sơn lại gần để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.*

*(Gió lạnh đầu mùa*– Thạch Lam)

A. Cảnh sinh hoạt trong gia đình Sơn ngày gió đầu mùa

B. Giới thiệu hoàn cảnh gia đình Sơn

C. Cảnh hai chị em Sơn chia sẻ áo cho Hiên

D. Cảnh mẹ Hiên trả lại chiếc áo

**Câu 2:** Truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*của Thạch Lam ca ngợi điều gì?

A. Ca ngợi những tấm lòng thơm thảo thương yêu, giúp đỡ nhau trong cảnh bần hàn.

B. Ca ngợi sự hiếu thảo của người con

C. Ca ngợi tình cảm anh em trong gia đình

D. Tình yêu thương vô điều kiện của mẹ đối với con

**Câu 3:** Biểu hiện nào sau đây **không**cho thấy mẹ Sơn là một người có tấm lòng yêu thương?

A. Yêu thương, chăm sóc Sơn và chị Lan.

B. Cho mẹ Hiên vay tiền mua áo mới.

C. Rơm rớm nước mắt khi nhớ về Duyên.

D. Đi ăn tiệc chưa phát hiện ra việc Sơn cho Hiên áo ấm.

**Câu 4:** Thông điệp được gửi gắm trong văn bản *Gió lạnh đầu mùa*?

A. Yêu thương con người là món quà quý giá của cuộc sống

B. Bảo vệ thiên nhiên giúp cuộc sống chất lượng hơn

C. Chất lượng cuộc sống nằm trong ý thức của mỗi người

D. Tất cả các phương án trên

**Câu 5:** Khi xây dựng biểu tượng gió lạnh đầu mùa, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. Hoán dụ.

B. So sánh.

C. Liệt kê.

D. Đối lập.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

=> Đáp án: 1. A 2. A 3. D 4. D 5.D

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Vẻ đẹp của truyện Gió lạnh đầu mùa không chỉ hiện lên qua hình thức (câu chữ, hình ảnh,…) mà còn ở tình cảm trong sáng của những tấm lòng nhân hậu bao dung. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 -12 dòng) để làm rõ điều đó.

*- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**Đoạn văn tham khảo:**

Thạch Lam là một trong những cây bút xuất sắc của văn xuôi Việt Nam với những đóng góp tiêu biểu để lại cho đời. Một trong số đó là tác phẩm Gió lạnh đầu mùa, tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của ông theo đuổi. Truyện là dòng chảy tâm trạng với những biến thái tinh vị, chất trữ tình, hiện thực đan cài và đằng sau tác phẩm thấp thoáng một cái tôi giàu lòng nhân hậu. Với Gió lạnh đầu mùa, vẻ đẹp của tình yêu thương con người, viết về mùa đông với cái rét khắc nghiệt nhưng câu chuyện lại mang đến cho chúng ta cảm thấy ấm áp đến lạ kì. Cái ấm áp của tình người không phân biệt đẳng cấp, sang hèn. Cái ấm áp của một gia đình bé nhỏ nhưng dạt dào yêu thương tù vú già, mẹ, đến các con và đặc biệt đối với đứa em gái nhỏ đã mất. Cái ấm áp được tạo nên nhờ những đứa trẻ nhỏ với tâm hồn ngây thơ, trong sáng chưa vướng chút bụi trần. Qua đó, tác phẩm đã truyền tải đến một thông điệp sâu sắc, giàu ý nghĩa nhân văn: gió lạnh nhưng tình người không lạnh.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình) | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành tiếng Việt trang 24**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Phân tích và chỉ ra tác dụng của trợ từ, thán từ trong các câu văn, đoạn văn.

- Biết cách xác định trợ từ, thán từ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực vận dụng sử dụng trợ từ, thán từ trong nói và viết.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực xác định, phân tích tác dụng của trợ từ, thán từ.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy chỉ tác dụng của các từ gạch chân trong hai câu sau:

- Chính thầy hiệu trưởng đã tặng tôi quyển sách này.

- Ôi quê hương! Mối tình tha thiết

Cả một đời gắn chặt quê hương.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:*

*- Dự kiến sản phẩm:*

+ *Chính:* nhấn mạnh vào nội dung sự việc thầy hiệu trưởng tặng quyển sách.

+ *Ôi:* Bộc lộ tình cảm, nỗi nhớ quê hương da diết, nhớ đến mức phải thốt lên thành lời.

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Như vậy, từ *chính* và *ôi* dùng nhấn mạnh sự việc và bày tỏ thái độ thì gọi là gì? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về Trợ từ và thán từ.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về trợ từ, thán từ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định trợ từ, thán từ và tác dụng của chúng trong câu văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Dựa vào phần kiến thức ngữ văn và ví dụ trong bài tập phần Khởi động, em hãy nêu định nghĩa về trợ từ, thán từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Xác định trợ từ, thán từ trong các câu sau:*  *1. Ôi Kim Lang! Hỡi Kim Lang!*  *Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây! (Nguyễn Du)*  *2. Than ôi! Thời oanh liệt còn đâu! (Thế Lữ)*  *3. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.*  *4. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trợ từ**  - Trợ từ là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói (người viết).  - Trợ từ gồm hai nhóm:  + Trợ từ đi kèm các từ ngữ trong câu (chính, đích, ngay cả, chỉ, những,…).  + Trợ từ ở cuối câu (à, ạ, ư, nhỉ, nhé, nào, cơ, cơ mà, thôi,…)  **2. Thán từ**  - Thán từ là những từ dùng để biểu lộ tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết) hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường được dùng ở đầu câu nhưng cũng có thể được tách ra thành một câu đặc biệt.  - Thán từ gồm hai nhóm:  + Thán từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc (a, ái, a ha, ôi, ô hay, than ôi,…)  + Thán từ gọi đáp (này, ơi, dạ, vâng, ừ,…)  1. Ôi, hỡi (thán từ)  2. Than ôi (thán từ)  3. cả (trợ từ)  4. chính (trợ từ) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1 (trang 24/SGK).  - GV hướng dẫn HS cách xác định trợ từ và tác dụng của chúng trong câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3 (trang 25/SGK).  - GV hướng dẫn HS cách xác định thán từ và tác dụng của chúng trong câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2, 4. Chia lớp thành 6 nhóm.  + Nhóm 1,3,5: Bài tập 2  + Nhóm 2,4,6: Bài tập 4  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1 (trang 24/SGK)**  a. chính: biểu thị nhấn mạnh sắc thái của chủ ngữ “lòng tôi”.  b) cả:biểu thị nhấn mạnh về mức độ cao, ý bao hàm.  c) cơ mà: biểu thị tình cảm ân cần, nhẹ nhàng của ông đốc khi nói với các em học sinh.  d) à: biểu thị mục đích hỏi và tình cảm của Lan khi nói chuyện với Hiên.  e) ư: biểu thị mục đích hỏi và tình cảm thân mật của mẹ với hai người con.  **Bài tập 3 (trang 25/SGK)**  a) a: biểu lộ cảm xúc của người nói, gây ấn tượng cho người nghe.  b) ừ: dùng để gọi đáp trong câu nói.  c) Ôi chào: bộc lộ cảm xúc về mức độ của sự việc.  d) vâng: dùng để gọi đáp trong câu nói.  e) ô hay: bộc lộ cảm xúc ngạc nhiên về mức độ của sự vật.  **Bài tập 2 (trang 24/ SGK)**  a) Từ cả không phải là trợ từ. Cụm từ cả ngày biểu thị một ngày xuyên suốt.  b) Từ cả là trợ từ, biểu thị với mức độ cao, ý bao hàm, có nghĩa chỉ ở đây rất đông người.  c) Từ chính là trợ từ, nhấn mạnh vào thời gian, thời điểm nói đến, có nghĩa chỉ tại thời điểm này.  d) Từ chính không phải là trợ từ. Cụm từ nhân vật chính biểu thị là nhân vật điển hỉnh, then chốt của cốt truyện, từ chính bổ sung ý nghĩa cho danh từ nhân vật.  **Bài tập 4 (trang 25/ SGK)**  a) Từ ấy không phải là thán từ. Từ ấy trong trường hợp này chỉ biểu thị nhấn mạnh cho cụm “những cảm giác trong sáng”.  b) Từ ấy là thán từ. Từ biểu lộ cảm xúc về mức độ của sự việc.  c) Từ này không phải là thán từ. Từ này trong trường hợp câu trên chỉ biểu thị nhấn mạnh cho sự việc được nhắc đến tại thời điểm hiện tại của người nói.  d) Từ này là thán từ. Từ dùng để gọi đáp trong câu nói. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) kể về một kỉ niệm của em, trong đó có sử dụng ít nhất một trợ từ hoặc một thán từ. Chỉ ra trợ từ (hoặc thán từ) trong đoạn văn đó.

*- HS thực hiện yêu cầu.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Đoạn văn tham khảo:**

Trong gia đình, bố là người thương em nhất. Em nhớ những lần trời mưa to, nước đều ngập đến cả đầu gối. Chính những lúc như vậy, tan học đã lâu mà bố chưa đến, em vô cùng lo sợ. Nhìn các bạn lần lượt ra về, mắt em đỏ hoe. Cuối cùng, bố cũng xuất hiện. Lần nào em cũng đều ho thật to để bố nhìn thấy em “A, bố ơi, con đứng ở đây!”. Bố mặc chiếc áo mưa lớn rồi bước thật chậm. Bố cõng em lên lưng và trùm nguyên cái áo mưa to cho em khỏi ướt. Về đến nhà, quần áo bố đã sũng nước. Em rất thương bố. Đó là kỉ niệm với bố mà em không thể quên.

- Trợ từ: cả, chính, nguyên.

- Thán từ: a.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  - Tổ chức trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành đọc hiểu: Người mẹ vườn cau**

**(Nguyễn Ngọc Tư)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được ngôi kể, đề tài, nhan đề Người mẹ vườn cau.

- Hiểu được chủ đề, tình huống truyện gợi ra qua hình ảnh người mẹ vườn cau.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Người mẹ vườn cau.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Người mẹ vườn cau.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Người mẹ vườn cau.*

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS:* Kể tên một số văn bản có đề tài viết về người mẹ.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

\*Dự kiến sản phẩm: Mẹ (Đỗ Trung Lai), Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm), Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương),…

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong văn học,đề tài về mẹ luôn là nguồn cảm hứng bất tận với các nghệ sĩ bởi tình yêu thương, sự hi sinh của người mẹ là những đại dương sâu thẳm mà cuộc đời con người không thể đo đạc cũng không thể thấu hiểu hết. Ở đó, các nhà văn có thể bộc lộ, thể hiện tâm tư tình cảm của mình dành cho người mẹ yêu quý và nhà văn Nguyễn Ngọc Tư cũng không ngoại lệ, ông cũng đóng góp vào văn học ấy với tác phẩm Người mẹ vườn cau.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm Người mẹ vườn cau.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Người mẹ vườn cau*.

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Nguyễn Ngọc Tư và thông tin tác phẩm *Người mẹ vườn cau*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, giới thiệu về tác giả Nguyễn Ngọc Tư và truyện ngắn Người mẹ vườn cau.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Truyện ngắn trên viết về đề tài gì? Giải thích nhan đề Người mẹ vườn cau.*  *+ Chủ đề của truyện ngắn Người mẹ vườn cau là gì?*  *+ Truyện được kể theo ngôi kể thứ mấy? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào?*  *+ Cốt truyện của văn bản Người mẹ vườn cau có gì đáng chú ý?*  *+ Tóm tắt văn bản và nêu bố cục của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả (1976)**  - Quê quán: xã Tân Duyệt, huyệt Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.  - Phong cách sáng tác: gần gũi, bình dị nhất và dễ cảm, giọng văn đậm chất Nam Bộ, mềm mại nhưng vô cùng sâu cay về số phận và cuộc đời éo le chìm nổi.  - Tác phẩm nổi bật: *Ngọn đèn không tắt, Nước chảy mây trôi, Giao thừa, Cánh đồng bất tận,…*  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: trích “Xa xóm mũi”  - Với phong cách viết văn giản dị mà tình cảm, “Người mẹ vườn cau” đã trở thành một tác phẩm truyện ngắn nổi tiếng và đem lại nhiều cảm xúc trong lòng người đọc.  **3. Đọc văn bản**  - Thể loại: truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Nhan đề: Chỉ người mẹ có công với Cách mạng, người mẹ ấy không có tên gọi cụ thể mà chỉ gọi theo đặc điểm nơi ở.  - Chủ đề: nói về những con người giàu đức hi sinh, anh dũng vì lí tưởng cách mạng lớn lao, đánh đổi lại một nền hòa bình cho Tổ quốc ta.  - Cốt truyện gần gũi, kể theo dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi”.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến…ngủ với bà nghe ba): Hoàn cảnh của người mẹ vườn cau.  + Phần 2 (tiếp theo đến…ba tôi chuyển công tác lên tỉnh): tình cảm của người mẹ vườn cau.  + Phần 3 (phần còn lại): Ý nghĩa, giá trị công lao của người mẹ.  - Tóm tắt: nói về kí ức của tác giả về người bà – một người mẹ anh hùng giàu đức hi sinh và đáng thương. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi văn bản, làm việc theo cặp và trả lời câu hỏi:  *+ Tình huống khơi gợi cho nhân vật “tôi về hình ảnh “người mẹ vườn cau” là gì?*  *+ Nhận xét về cách dẫn dắt câu chuyện của tác giả.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản, thảo luận và đặt câu hỏi:  *+ Chi tiết nào cho em thấy khung cảnh nơi ở của người mẹ vườn cau hiện lên?*  *+ Hình ảnh “người mẹ vườn cau” đã được tái hiện với những chi tiết tiêu biểu nào? Em ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?*  *+ Những kỉ niệm thời ấu thơ nào được tác giả nhắc đến trong văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Sau khi nghe nhân vật chú Biểu, ba đã có quyết định như thế nào?*  *+ Bài văn của nhân vật “tôi” có điều gì đặc biệt? Vì sao bài văn chỉ được 4 điểm nhưng nhưng nhân vật “tôi” cũng không hề cảm thấy buồn?*  *+ Phần kết truyện đã gợi mở cho chúng ta những vấn đề gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nguyên nhân câu chuyện**  - Cô giáo yêu cầu viết bài văn về mẹ, tuy nhiên nhân vật “tôi” không biết viết như nào.  - Nhớ lại rằng ba có nhiều mẹ và mình có bà, trong đó, ba có một “người mẹ vườn cau”.  → Cách dẫn dắt gần gũi, sinh động.  **2. Những kỉ niệm thời nhỏ tại quê của “người mẹ vườn cau”**  ***a. Khung cảnh***  - Con đường đến nhà bà là con đường đát, những khi trời mưa đường bùn ướt nhẹp.  - Nhà bà là nhà mái lá nhỏ xíu.  → Cuộc sống giản dị, đơn sơ.  ***b. Hình ảnh “người mẹ vườn cau”***  - Là một bà mẹ anh hùng.  - Làm nghề bán ve chai, đưa thư, mang thức ăn, tin tức,…  - Dáng còm cõi, nụ cười phúc hậu, đôi mắt già nua.  - Mái tóc trắng phau phau.  - Nội gầy gò, cười phô cả lợi nhưng vẫn luôn lo lắng cho các con các cháu.  → Sự hi sinh thầm lặng của người mẹ già, cả một đời vất vả, lam lũ, nhưng vẫn luôn là hậu phương vững chắc cho những đứa con của mình đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.  ***c. Những kỉ niệm thời ấu thơ***  - Bữa cơm giỗ chỉ vài ba bát canh chua cá rô đồng, mắm kho bông súng. → đơn giản nhưng ngon và chứa đựng sự ấm áp.  - Khi trời mưa tanh, mọi người ào ào kéo đến làm nhân vật “tôi” thắc mắc rằng tại sao bà lại có nhiều con như thế.  - Các chú cùng bố nhậu một bữa nhưng vẫn phải xin phép bà, mọi người vui vẻ nói chuyện ngày xưa.  → Khung cảnh gia đình ấm áp, hạnh phúc.  **3. Trở về thực tại với bài văn bị điểm kém**  - Do ba chuyển công tác nên gia đình cũng chuyển lên phố.  - Chỉ khi chú Biểu đến nhà, nghe câu chú nói mình bạc, bố mới thấy nằm suy nghĩ và quyết định mai về lại thăm “người mẹ vườn cau”.  → Khẳng định tình cảm của người con dành cho “người mẹ làng cau”.  - Bài văn:  + Văn bản nói về những kỉ niệm về mẹ vườn cau của bố còn trở về thực tại, mẹ của nhân vật “tôi” chỉ “*là người sinh ra em, nuôi em lớn, ngày thường mẹ nấu cơm em ăn, giặt đồ em mặc*”.  + Bài văn tuy 4 điểm nhưng “tôi” không hề buồn vì viết về mẹ đâu chỉ bằng vài câu.  → bài học về sự biết ơn, kính trọng đến những người mẹ.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đậm chất Nam bộ.  - Cốt truyện gần gũi, dễ dàng truyền tải nội dung.  - Ngôn từ mộc mạc, giản dị những giàu cảm xúc  **2. Nội dung**  - Văn bản nói về kí ức của tác giả về người bà nội - một người mẹ anh hùng giàu đức hy sinh và đáng thương. Qua đó, gửi gắm đến người đọc thông điệp về sự biết ơn và kính trọng những người đã hi sinh vì lí tưởng cách mạng, vì nền hòa bình độc lập và những người mẹ anh hùng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Có người cho rằng, qua truyện ngắn này, tác giả muốn nhắn gửi đến người đọc thông điệp về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Ý kiến của em như thế nào? (Trình bày thành một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng)

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*Đoạn văn tham khảo:**

Sau khi đọc xong truyện Người mẹ vườn cau, tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã đem tới chúng ta thông điệp vô cùng sâu sắc và ý nghĩa về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Nhờ có công lao to lớn của những thế hệ đi trước, không ngại gian khổ, hiểm nguy đến tính mạng, mà chúng ta có được cuộc sống như ngày hôm nay, một cuộc sống không có chiến tranh, bom đạn, đau thương và mất mát. Từ đó, văn bản dăn dạy chúng ta cần có lòng biết ơn đến những anh hùng đã hi sinh cho nền độc lập nước nhà, đồng thời cần tích cực rèn luyện bản thân để góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, vững chắc.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Em hãy sưu tầm những bài thơ, bài hát về những người mẹ Việt Nam anh hùng.

*- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**\*Một số bài thơ tham khảo:**

***1. Mẹ Việt Nam anh hùng***

Thằng cả gắp vội ăn đi

Món rau ngon lắm mẹ thì mới mua

Hôm nay mẹ nấu canh cua

Các con đông đủ ăn đua xem nào..

Giờ thì không được ồn ào

Thằng ba im lặng gắp vào mà ăn

Thằng tư sao mặt lại nhăn

Chắc lại ăn trúng ớt xanh nữa à

Thằng 5 liên tục xúc và

Ăn tham vẫn vậy như là trước kia

Thằng 6 vẫn xúc từng thìa

Ăn chậm lại trách ô kìa hết cơm

Thằng 7,thằng 8 dỗi hờn

Tính hay đố kỵ phải hơn mọi người

9 ơi! sao đứng đó cười

Anh em đông lắm nhịn cười mà ăn

Dứt lời nước mắt mẹ lăn

Mâm cơm mẹ nấu còn thằng nào đâu

Nhìn thẳng vào ánh mắt nâu

Là sự mất mát khắc sâu tâm hồn

9 đứa 9 sự cô đơn

Mỗi lần tin dữ đau hơn xé lòng

Mọi người hỏi có buồn không ?

Các anh tất cả đều không quay về

Đêm nào mẹ cũng ngủ mê

Mấy thằng bất hiếu chịu về rồi sao ?

Gỡ nón cho mẹ xem nào

Con mẹ ai cũng bảnh bao vô cùng

Nhưng ai cũng tỏ lạnh lùng

Hiện ra phút chốc rồi cùng lìa xa

Để cho mắt mẹ lại nhòa

Tay ôm di ảnh nhìn mà xót thương

Hôm nào cũng thức đêm trường

Đợi tiếng gõ cửa thân thương con về

Rồi sau thất vọng ê chề

Các anh tất cả có về nữa đâu

Thời gian mái tóc phai màu

Nhưng niềm đau ấy không sao cách rời.

***2. Mẹ với một mình***

Tháng bảy lại về trời đổ mưa ngâu

Các con đi đâu sao không về với mẹ

Tháng bảy trời mưa lòng đau như xé

Các con không về mình mẹ một mâm

Tháng bảy ơi sao cứ mãi mưa dầm

Để lòng mẹ cứ âm thầm đau xót

Chồng hy sinh khi công đồn phá bốt

Mẹ tiễn con mình lần lượt ra đi

Khi tiễn con mẹ đã khóc ướt mi

Ôm di ảnh chồng thầm thì nói nhỏ

Con ra đi theo con đường ông đó

Đường đấu tranh màu cờ đỏ ông ơi

Mẹ sinh ra các con ở trên đời

Nuôi con lớn mong là nơi nương tựa

Khi tuổi về già tối đèn tắt lửa

Giờ mẹ đang ngồi tựa cửa chờ ai

Các con hy sinh trong trận chiến kéo dài

Mẹ không mong có tượng đài hoành tráng

Mẹ hy sinh cả đời cho cách mạng

Mong cuộc đời này tươi sáng hơn thôi

***3. Đau lòng mẹ***

Thời gian có xoá được không

Nỗi đau lòng Mẹ mất chồng mất con

Tháng năm chờ đợi mỏi mòn

Trái tim đau đớn héo hon thân gầy

Con ơi ! Về với Mẹ đây

Mẹ đã sắp xếp đủ đầy cho con

Ra đi khi tuổi còn son

Lãng quên nghĩa đạo làm con ở đời

Hồn con ở bốn phương trời

Thấu chăng lòng Mẹ cả đời mong con

Các con vì nước vì non

Mẹ già thân yếu đợi con trở về

Bây giờ lòng Mẹ tái tê

Chồng con đi mãi chẳng về đơn côi

Bàn tay gầy héo đồi mồi

Bát hương quả trứng Mẹ ngồi đợi con

Phủ tấm lòng Mẹ sắt son

Hồn đọng hương khói vòng tròn bờ vai

Con Mẹ ở chốn tượng đài

Hãy về bên Mẹ chỉ vài giây thôi

Cô đơn Mẹ quá nhiều rồi

Lòng Mẹ cô quạnh bồi hồi xót xa

Đau lòng hình bóng Mẹ già

Ngày đêm lầm lũi cửa nhà ngóng con!

***\*Một số bài hát tham khảo:***

- Mẹ Việt Nam anh hùng (An Thuyên)

- Tấm áo mẹ vá năm xưa (Nguyễn Văn Tý)

- Người mẹ (Nguyễn Ngọc Thiện),..

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình) | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Viết**

**Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày, sử dụng phương thức biểu đạt tự sự.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS:* Hè vừa rồi, em có tham gia chuyến đi đi du lịch, đi tham quan một danh lam thắng cảnh hay tham gia một hoạt động xã hội nào không? Theo em, để kể lại những gì mình đã chứng kiến, những hoạt động mình tham gia, em cần có cách kể như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thật vậy, mỗi một chuyến đi hay một hoạt động xã hội trong cuộc sống đều mang nhiều tình cảm, ý nghĩa sâu sắc đối với bản thân người tham gia. Và khi ta muốn chia sẻ để giúp người đọc khác thấu hiểu được những sự kiện diễn ra đó, chúng ta cần biết cách diễn đạt để kể lại một cách trọn vẹn nhất. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học về bài Viết – Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu khi viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội, sử dụng yếu tố tự sự, kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Định hướng (trang 29/SGK):  *+ Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội là gì?*  *+ Khi kể lại lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội, em cần lưu ý điều gì?*  - HS nhắc lại các yêu cầu mà SGK đã hướng dẫn hoặc nêu các thắc mắc, câu hỏi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu chung**  ***a. Khái niệm***  - Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội là kể lại một sự kiện đã diễn ra, để lại cho bản thân người tham gia nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.  - Người viết phải là người chứng kiến hoặc tham gia trực tiếp, sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng hô “tôi” hoặc “chúng tôi”,…), kể lại những gì mình đã chứng kiến (sự việc, con người, phong cảnh,…), những hoạt động mình đã tham gia, thực hiện,…  - Trong khi kể, có thể kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm.  ***b. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội***  - Chọn viết một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.  - Trước khi viết cần tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý.  - Viết bài văn kiểu tự sự, kể theo ngôi thứ nhất.  - Cần kết hợp lại các sự việc và miêu tả phong cảnh, con người; phát biểu những nhận xét, cảm nghĩ của bản thân. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS chọn một hoạt động xã hội mà em đã từng tham gia.  - GV gợi ý HS một số hoạt động xã hội: tình nguyện, quyên góp ủng hộ,..  - GV yêu cầu HS đọc kĩ 4 bước trong SGK đã hướng dẫn.  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu từng bước:  + Chuẩn bị.  + Tìm ý và lập dàn ý: GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi theo SGK, quan sát sơ đồ (trang 31/SGK)    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.1. Thực hành**  **Bài tập:** *Kể lại một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia.*  - Chuẩn bị:  + Đọc kĩ và tìm hiểu đề để hiểu yêu cầu đối với bài viết.  + Nhớ lại những sự việc, con người, …và ấn tượng, cảm xúc trong hoạt động xã hội mà em đã tham gia.  + Tìm đọc và tham khảo các bài viết kể về một hoạt động xã hội.  + Ghi chép các nội dung liên quan và chuẩn bị tranh, ảnh, tư liệu,…(nếu có) về hoạt động xã hội đó.  - Tìm ý và lập dàn ý:  + Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi  + Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo 3 phần lớn của bài văn. |

**Hoạt động 3: Viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết được bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn HS đổi bài cho nhau theo cặp đôi để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - GV nhận xét, tổng kết tiết học.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Viết bài.  - Chỉnh sửa bài viết. |

**Hoạt động 4: Rèn luyện kĩ năng viết mở bài và kết bài**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách thức viết mở bài và kết bài của bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày mở bài và kết bài trong bài viết vừa thực hiện và trả lời câu hỏi:  *+ Em đã sử dụng cách mở bài trực tiếp hay gián tiếp? Nội dung trong phần kết bài nêu lên vấn đề gì?*  *+ Từ đó, rút ra khái niệm về cách thức mở bài trực tiếp, gián tiếp và nội dung của phần kết bài.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS làm bài tập phần b:  *+ Nhóm 1,3,5: Viết mở bài trực tiếp và kết bài.*  *+ Nhóm 2,4,6: Viết mở bài gián tiếp và kết bài.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phần bài tập.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết mở bài và kết bài**  ***a. Cách thức***  - Mở bài trực tiếp: người viết mở đầu bằng cách nêu trực tiếp vấn đề trọng tâm của bài.  - Mở bài gián tiếp: người viết bắt đầu bằng một số câu dẫn dắt, từ đó, nêu vấn đề trọng tâm của bài viết.  - Kết đoạn: người viết tổng hợp lại các nội dung đã trình bày ở thân bài và thể hiện bằng một đoạn văn để kết thúc bài viết. Nội dung đoạn kết bài thường nêu lên suy nghĩ của người viết về ý nghĩa và bài học từ vấn đề đã viết.  ***b. Bài tập***  Hãy viết mở bài, kết bài cho đề văn: *Kể lại một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia.*  - Thực hành viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

- Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Nói và nghe**

**Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS:* Trong cuộc sống, em có gặp phải những vấn đề, hiện tượng cuộc sống và muốn phản ánh lại cho mọi người không? Em tự thấy mình trình bày vấn đề đó đã thuyết phục và hấp dẫn người nghe chưa?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học về bài Nói và nghe – Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS cần nắm được dạng bài: *Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội là gì? Từ đó, đưa ra những yêu cầu cần đạt khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu chung**  ***a. Khái niệm***  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội là nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói, sử dụng các luận điểm xác đáng và bằng chứng tin cậy, cụ thể nhằm thuyết phục người nghe về một vấn đề xã hội.  - Vấn đề có thể là một câu hỏi cần trả lời, một điều cần giải quyết, một hiện tượng tích cực, tiêu cực hoặc vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực trong cuộc sống.  ***b. Yêu cầu cần chú ý khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội***  - Bối cảnh trình bày: không gian, thời gian.  - Xác định vấn đề trình bày: đề tài.  - Đối tượng người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân trong gia đình,…  - Mục đích: nêu ý kiến, thuyết phục người nghe.  - Phương tiện hỗ trợ: máy chiếu, màn hình, tranh, ảnh, video clip, sơ đồ,…  - Nội dung:  + Mở đầu: nêu vấn đề và lí do chọn vấn đề.  + Nội dung chính:   * Trình tự các luận điểm * Lí lẽ tương ứng với từng luận điểm * Bằng chứng tương ứng với từng luận điểm   + Kết thúc:   * Khái quát ý nghĩa vấn đề đã trình bày * Một số đề xuất, kiến nghị (nếu có)   - Cách thức và thái độ khi nói: hướng về người nghe; kết hợp lời nói và cử chỉ, động tác,…; giọng điệu và âm lượng phù hợp. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc đề, GV có thể chia lớp thành 2 nhóm:  + Nhóm 1: Đề số 1.  + Nhóm 2: Đề số 2.  - GV yêu cầu HS bổ sung các từ, câu dẫn dắt, kết nối các phần. Chú ý giọng điệu khi kể.  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ các bước trong SGK và chuẩn bị nội dung bài thuyết trình  - GV tổ chức trò chơi “*Nhà thuyết trình tài ba”*. Các nhóm lần lượt trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị và đưa ra lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Thực hành**  **Bài tập:**  *(1) Trình bày ý kiến của em về hiện tượng “Hay đổ lỗi cho người khác”.*  *(2) Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi đọc truyện “Gió lạnh đầu mùa” (Thạch Lam).*  ***a. Chuẩn bị***  - Với riêng đề (2), xem lại nội dung đọc hiểu văn bản Gió lạnh đầu mùa.  - HS xác định đối tượng người nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp.  ***b. Tìm ý và lập dàn ý***  - Tìm ý dựa vào các câu hỏi đã có trong SGK.  - Lập dàn ý dựa vào các ý đã tìm được trên.  ***c. Nói và nghe*** |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá (Hồ sơ học tập).  - GV đặt thêm câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời:  *+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  *+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | ***d. Kiểm tra và chỉnh sửa*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* đọc văn bản phần và trả lời các câu hỏi làm bài tập phần Tự đánh giá: Chuỗi hạt cườm màu xám (SGK – trang 36).

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1:** Đáp án D.

**Câu 2:** Đáp án B.

**Câu 3:** Đáp án C.

**Câu 4:** Đáp án B.

**Câu 5:** Đáp án B.

**Câu 6:** Nhân vật Na là một cô bé có tính cách trẻ con, ngộ nghĩnh, hồn nhiên nhưng cũng sống đầy tình cảm, biết cách quan tâm đến người anh Di.

**Câu 7:** Chi tiết “Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lắp bắp không ra tiếng.”: thể hiện sự đấu trí trong suy nghĩ của Na, có thể Na đã hiểu nhầm ý của Di, giận anh rằng Di đang đùa giỡn mình, không thích chuỗi hạt Na tặng nên đã đeo cho con Vện.

**Câu 8:** Kết thúc truyện đã cho thấy trước đây khi còn sống gần nhà nhau mặc dù Di hay chêu chọc, đùa giỡn với Na nhưng trong lòng cậu vẫn luôn dành tình cảm trân trọng và mãi nhớ về hình bóng đứa em ngây thơ, hồn nhiên đó.

**Câu 9:** Các chi tiết thể hiện và các sự việc diễn ra trong câu chuyện đã làm sáng tỏ ý kiến trên. Câu chuyện như một bài thơ buồn phả vào hồn ta những rung động cao quý, thiêng liêng. Câu chuyện cho chúng ta thấy thứ tình cảm hồn nhiên, trong sáng của hai đứa trẻ dành cho nhau năm ấy, mặc dù mãi về sau Na vẫn tránh mặt Di, chuyển đi nơi khác sống và Di cũng không có cơ hội để gặp Na để nói lời giải thích chuyện hồi bé nữa, nhưng sự trân trọng, yêu thương dành cho nhau thì vẫn đó.

**Câu 10:**

***\*Đoạn văn tham khảo:***

Chuyện xảy ra vào ngày sinh nhật năm tám tuổi của em. Hôm ấy, mẹ đã tổ chức một buổi tiệc sinh nhật nhỏ cho em mời các bạn đến nhà thăm dự. Mặc dù mẹ đi làm rất bận, nhưng vẫn cố gắng chuẩn bị mọi thứ cho em. Tuy nhiên, do mệt quá, nên mẹ đã quên mất mua món bánh su kem em yêu thích nhất như đã hứa. Vậy là, một phút xốc nổi, em đã nổi giận và không hề để ý đến mẹ. Em bỏ về phòng và bóc các món quà các bạn tặng. Nhưng dần dần, em chẳng còn thấy vui nữa. Chỉ vì một món bánh mà nói những lời nặng nề với mẹ, trong khi mẹ dù vất vả, mệt nhọc vẫn muốn làm em vui. Em vội bỏ mặc tất cả, chạy vội ra bếp tìm mẹ, và xin lỗi liên tục. Mẹ dịu dàng ôm lấy em và trìu mến nói “Không sao con ạ, mẹ không giận con đâu”. Sự ấm áp và vị tha của mẹ càng khiến em hối hận hơn nữa, khóc òa lên nức nở.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu đánh giá học tập.